

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: **61/2018/TLST-HNGĐ** ngày 18 tháng 4 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ** - Sinh năm 1978;

Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Khu 10, xã K, huyện T, tỉnh P;

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh L** - Sinh năm 1982;

Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Khu 10, xã K, huyện T, tỉnh P;

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Thanh Ba;

Địa chỉ: Khu 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh P;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Anh T – Giám đốc;

2/ Anh Vi Cao T – Sinh năm 1970 và chị Bùi Thị N (Chị N là vợ anh T đã ủy quyền cho anh T);

Địa chỉ: Khu 9, xã K, huyện T, tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Thanh L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Thanh L đều thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Thanh L đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Lan A, sinh ngày 25/8/2003 và Nguyễn Tấn D, sinh ngày 30/5/2007. Hiện nay cháu D đang ở với anh Đ còn cháu A đang ở với chị L.

Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Thanh L tự nguyện thỏa thuận như sau : Anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tấn D, chị Nguyễn Thị Thanh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lan A, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên kia.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung:

Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Thanh L không yêu cầu thẩm định, định giá tài sản và tự nguyện thỏa thuận như sau:

* Anh Nguyễn Văn Đ được quyền sở hữu và sử dụng các tài sản gồm:

- 01 thửa đất số 589, tờ bản đồ số 12, diện tích 100m² sử dụng lâu dài, đứng tên anh Nguyễn Văn Đ, tại khu 3, xã H, thị xã P, tỉnh P (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00371. QSDĐ/350/QĐ-UB, ngày 28/4/2004) và tài sản gắn liền trên đất là 01 nhà xây cấp 4 cùng toàn bộ công trình phụ xây trên đất (Tài sản và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay anh Đ đang quản lý);

- 01 diện tích đất 252m² (trong đó đất ở 175m², đất vườn 77m²) và nhà xây cấp 4 cùng toàn bộ công trình phụ gắn liền trên đất tại khu 9, xã K, huyện T, tỉnh P nhận chuyển nhượng của ông Vi Cao T và bà Bùi Thị N (đã có hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 04/12/2015 tại Văn phòng công chứng D – tỉnh P) nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Nhà, đất và các giấy tờ liên quan đến đất hiện nay anh Đoàn đang quản lý).

- 01 xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA, số loại VIOS, biển kiểm soát 29A-161.xx, đăng ký xe mang tên chủ xe là Phạm Minh Đ (Xe ô tô và giấy tờ xe hiện nay anh Đ đang quản lý); Anh Đ có trách nhiệm thanh toán cho chị L 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) tiền giá trị chênh lệch tài sản.

* Chị Nguyễn Thị Thanh L được quyền sở hữu các tài sản gồm:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại SH MODE, biển kiểm soát 19K1-113.xx, đăng ký tên chủ xe là Nguyễn Văn Đ (Xe mô tô và giấy tờ xe hiện nay chị L đang quản lý).

- Số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) do anh Đ thanh toán tiền giá trị chênh lệch tài sản.

Đối với khoản tiền thi hành án, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi theo mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.4. Về công nợ chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Thanh L và đại diện Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch Thanh Ba tự nguyện thỏa thuận: Anh Nguyễn Văn Đ trả toàn bộ số nợ của Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch Thanh Ba số tiền 42.000.000đ (*Bốn mươi hai triệu đồng*) tiền gốc và lãi phát sinh hàng tháng đến khi trả xong.

2.5. Về công sức đóng góp cho gia đình và đất nông nghiệp: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Thanh L đều xác định không có nên không đặt ra giải quyết.

*** Về án phí:** Anh Nguyễn Văn Đ nhận nộp cả 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Nguyễn Văn Đ đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2015/0004136 ngày 18/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba. Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn Đ 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6.7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba;
- Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Đình Xuân